

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐINH THỊ THU PHƯƠNG

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN
Ở TỈNH THÁI BÌNH

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 931 01 02

HÀ NỘI - 2025

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS VŨ VĂN PHÚC



Phản biện 1:.....

.....

Phản biện 2:.....

.....

Phản biện 3:.....

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20.....

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia và
Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngành nông nghiệp có vai trò quan trọng cho sự tăng trưởng, phát triển kinh tế và ổn định đời sống ở Việt Nam. Trong thành công chung của toàn ngành nông nghiệp có sự đóng góp to lớn của lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản. Công nghiệp chế biến nông sản đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng và đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm nông nghiệp. Ngành này giúp kéo dài thời gian bảo quản, giảm hao hụt sau thu hoạch và đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước lẫn xuất khẩu. Bên cạnh đó, công nghiệp chế biến còn tạo việc làm cho lao động nông thôn, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế và nâng cao thu nhập cho nông dân. Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, từ đó giúp nông sản Việt Nam có vị thế cạnh tranh cao hơn trên thị trường toàn cầu.

Thái Bình là một tỉnh đồng bằng ven biển, thuộc phía nam đồng bằng châu thổ sông Hồng. Phía Bắc giáp với tỉnh Hưng Yên, Hải Dương và Hải Phòng; phía Tây và Tây Nam giáp với tỉnh Nam Định và Hà Nam; phía Đông giáp với vịnh Bắc Bộ. Nơi đây, có truyền thống phát triển nông nghiệp và những điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản. Tốc độ tăng trưởng chung toàn ngành công nghiệp chế biến nông sản của tỉnh đạt khoảng 14,13%/năm. Cơ cấu ngành hàng chế biến ngày càng phong phú, đa dạng nhưng tập trung chủ yếu vào chủng loại sản phẩm có quy mô tương đối lớn, điển hình như: Chế biến gạo, ngô; thịt đông lạnh; thủy sản đông lạnh; nước mắm; rau - củ - quả; bia - nước giải khát... Trong đó, một số nhóm ngành bước đầu tạo được thương hiệu và cạnh tranh hiệu quả trên thị trường.

Tuy nhiên, nếu nhìn một cách tổng thể thì ngành công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình chậm phát triển. Số lượng các cơ sở, doanh nghiệp chế biến ít, thiếu các doanh nghiệp quy mô lớn; năng lực chế biến đối với một số ngành hàng còn khiêm tốn; sản phẩm phần lớn là sơ chế, tỷ lệ chế biến sâu còn thấp; chủng loại sản phẩm chế biến chưa đa dạng.

Những hạn chế trên đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau, như những nút thắt về đất đai, tín dụng đang là rào cản khiến doanh nghiệp chưa mạnh dạn triển khai các dự án về chế biến nông sản; mối liên kết giữa khâu sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản vẫn chưa chặt chẽ; ứng dụng khoa học,

công nghệ và đổi mới trang thiết bị tiên tiến, hiện đại còn chậm; chất lượng của nông sản chế biến không ổn định; thu mua nông sản cho chế biến vẫn rất khó khăn, hàng năm vẫn phải thu mua ở tỉnh ngoài đến 50%... Do vậy, cần có một nghiên cứu nhằm xác định rõ hơn cơ sở lý luận, đánh giá đúng thực trạng, đưa ra được giải pháp phát triển hơn nữa công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn chủ đề “Phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình” làm đề tài Luận án tiến sỹ chuyên ngành Kinh tế chính trị.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ một số vấn đề cơ bản về lý luận phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn cấp tỉnh, Luận án phân tích, đánh giá thực trạng công nghiệp chế biến nông sản ở Thái Bình và đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ một số vấn đề cơ bản về lý luận phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn cấp tỉnh.
- Phân tích, đánh giá thực trạng công nghiệp chế biến nông sản ở Thái Bình giai đoạn 2011-2023.
- Đề xuất định hướng và giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn cấp tỉnh dưới góc độ Kinh tế chính trị.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

*** Phạm vi nội dung nghiên cứu**

- Công nghiệp chế biến nông sản bao gồm các lĩnh vực chế biến: chế biến sản phẩm của ngành trồng trọt, chế biến sản phẩm của ngành chăn nuôi, chế biến sản phẩm của ngành thủy sản.

*** Phạm vi không gian nghiên cứu**

Luận án nghiên cứu về phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

** Phạm vi thời gian nghiên cứu*

Luận án nghiên cứu phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2013-2023; đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để phân tích đánh giá các vấn đề liên quan đến nội dung nghiên cứu. Luận án tập trung khai thác những phương hướng chủ đạo của Đảng và Nhà nước về thúc đẩy công nghiệp chế biến nông sản ở cấp tỉnh đồng thời nghiên cứu kết hợp chọn lọc những kiến thức kinh tế hiện đại liên quan đến lĩnh vực này, ứng dụng vào việc triển khai các chương, tiết cụ thể của luận án.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng hai nhóm phương pháp nghiên cứu chính:

** Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận:*

- Phương pháp trừu tượng hóa khoa học

Phương pháp nghiên cứu đi từ cụ thể đến trừu tượng nhờ vậy mà nắm bắt được bản chất của phát triển công nghiệp chế biến nông sản.

- Phương pháp lịch sử kết hợp với logic

Phương pháp dùng để phân tích các tài liệu lý thuyết nhằm phát hiện các xu hướng, trường phái nghiên cứu về công nghiệp chế biến nông sản. Từ đó, xây dựng tổng quan, sau đó phát hiện những thiếu hụt, những điều chưa hoàn chỉnh trong các tài liệu rồi tìm ra những vấn đề mới về phát triển công nghiệp chế biến nông sản.

- Phương pháp kết hợp phân tích và tổng hợp

+ Phương pháp phân tích các văn bản, tài liệu lý luận khác nhau về phát triển công nghiệp chế biến nông sản, bằng cách phân tích chúng thành từng bộ phận, từng mặt để hiểu chúng một cách toàn diện. Phương pháp còn nhằm phát hiện ra những xu hướng, những trường phái nghiên cứu của từng tác giả, từ đó lựa chọn những thông tin phù hợp nhất cho đề tài.

+ Phương pháp tổng hợp lý thuyết là phương pháp liên kết, sắp xếp các tài liệu, thông tin lý thuyết về phát triển công nghiệp chế biến nông sản đã thu thập được để tạo ra kiến thức đầy đủ, sâu sắc về đề tài nghiên cứu.

- Phương pháp kết hợp quy nạp và diễn dịch

+ Quy nạp là phương pháp đi từ tri thức về cái riêng đến tri thức về cái chung, từ tri thức ít chung đến tri thức chung hơn.

+ Diễn dịch là phương pháp đi từ tri thức về cái chung đến tri thức về cái riêng, từ tri thức chung đến tri thức ít chung hơn.

- *Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết*

+ Phân loại là phương pháp sắp xếp các tài thành một hệ thống logic chặt chẽ theo từng mặt, từng đơn vị kiến thức, từng vấn đề khoa học có chung dấu hiệu bản chất hoặc cùng hướng phát triển.

+ Hệ thống hóa là phương pháp sắp xếp tri thức khoa học thành hệ thống trên cơ sở một mô hình lý thuyết làm cho sự hiểu biết của tác giả về đối tượng được toàn diện và sâu sắc hơn.

* *Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:*

- *Phương pháp thu thập thông tin qua nguồn thứ cấp:*

+ Thu thập thông tin qua hồ sơ, tài liệu, văn bản.

Hồ sơ, văn bản tài liệu là một nguồn thông tin quan trọng trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Thông tin từ hồ sơ, tài liệu, văn bản rất đa dạng, có tính khả dụng cao và có giá trị cho đề tài đang nghiên cứu.

+ Thu thập thông tin qua sách, báo, tạp chí, internet và các phương tiện truyền thông khác.

Thông tin từ sách, tạp chí có tính chuyên sâu nhưng có thể có hạn chế về tính cập nhật. Thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng có tính cập nhật, đa dạng nhưng có thể có những yếu tố chưa được kiểm chứng đầy đủ đặc biệt là thông tin từ internet. Do vậy thông tin từ nguồn này cần phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu cần có đối với thông tin được thu thập.

- *Phương pháp thu thập thông tin qua nguồn sơ cấp:*

Thu thập thông tin qua các cuộc họp, điện thoại.

Là phương pháp thu thập thông tin từ các ý kiến đóng góp, từ các cuộc họp, qua điện thoại và trao đổi trực tiếp. Đối với các thông tin này, cần chú ý ghi chép lại, và chỉ khai thác, sử dụng khi thông tin được chính thức hóa trong các văn bản.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án nghiên cứu

Luận án góp phần làm rõ, cung cấp những căn cứ khoa học và thực tiễn phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình; đề xuất một số giải pháp có tính khả thi để các cấp chính quyền trong tỉnh Thái Bình vận dụng vào hoạch định chính sách, chỉ đạo thực hiện phát triển

công nghiệp chế biến nông sản ở Thái Bình.

Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho việc hoạch định chính sách, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình và những địa phương có điều kiện tương đồng.

6. Kết cấu luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương gồm:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn cấp tỉnh.

Chương 3: Thực trạng phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2013 - 2023.

Chương 4: Phương hướng và giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA CÁC TÁC GIẢ NƯỚC NGOÀI

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về công nghiệp chế biến nông sản

Chenery, H., Robinson, S.. & Syrquin, M. (1986), *Industrialization and growth: A comparative study*; Krugman P. (1998), *International Economics*; Michael Dower (2004), *Bộ cảm nang Đào tạo và Thông tin về phát triển nông thôn toàn diện*.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về phát triển công nghiệp chế biến nông sản

Michael Porter (1990), *The Competitive Advantage of Nations*; Upadhyaya, S. (2013), *Country grouping in UNIDO statistics*; Haraguchi, N. (2015), *Patterns of structural change and manufacturing development*; Ha-Joon Chang (2016), Hoàng Xuân Diễm, Nguyễn Đình Minh Anh, Trần Mai Anh dịch, *Lên gác rút thang*; Alec Ross (2019), *Công nghiệp tương lai*;

1.2. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA CÁC TÁC GIẢ TRONG NƯỚC

1.2.1. Những công trình nghiên cứu về công nghiệp chế biến nông sản

Đặng Văn Phan (1991), *Đánh giá hiện trạng kinh tế công nghiệp, nông-lâm nghiệp, công nghiệp chế biến các tỉnh giáp miền Trung*; GS.TS. Ngô Đình Giao (1998), *Công nghiệp chế biến thực phẩm ở Việt Nam (Thực trạng và phương hướng phát triển) tập I*; PGS.TS. Trần Minh Tâm (2004), *Bảo quản và chế biến nông sản sau thu hoạch*; Th.s Nguyễn Mạnh Khải (2006), *Giáo trình bảo quản nông sản*; Chu Thị Thơm, Phan Thị Lại, Nguyễn Văn Tó (2006), *Phương pháp phòng chống những biến đổi bất lợi trong bảo quản nông sản*; Chu Thị Thơm, Phan Thị Lại, Nguyễn Văn Tó (2006), *Phương pháp bảo quản và chế biến thủy sản*; Phạm Hải Vũ, Đào Thế Anh (2016), *An toàn thực phẩm nông sản: Một số hiểu biết về sản phẩm, hệ thống sản xuất phân phối và chính sách Nhà nước*;

1.2.2. Những công trình nghiên cứu về phát triển công nghiệp chế biến nông sản

Vũ Anh Tuấn (1998), *Xu hướng phát triển của ngành công nghiệp chế biến ở thành phố Hồ Chí Minh*; TS. Lê Thế Tiêm (2001), *Nghiên cứu chính sách và giải pháp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bảo quản, chế biến và tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp*; Bua Không Nam Ma Vông (2001), *Vai trò của công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ đối với sự phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*; Bua Không Nam Ma Vông (2001), *Vai trò của công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ đối với sự phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*; TS. Bùi Thị Minh Hằng, *Định hướng và giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến phục vụ mục tiêu xuất khẩu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*; Trương Đức Lực (2006), *Phát triển công nghiệp chế biến rau quả ở Việt nam trong quá trình hội nhập*; Nguyễn Hồng Linh (2007), *Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản trên địa bàn các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ*; Hoàng Hương Giang (2010), *Quan hệ tăng trưởng giữa hai khu vực nông nghiệp và công nghiệp chế biến Việt Nam*; Trịnh Trung Kiên (2016), *Phát triển công nghiệp chế biến nông sản tại tỉnh Kon Tum*; Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2019), *Báo cáo công nghiệp chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp- Thực trạng và giải pháp phát triển*;

Bạch Quốc Khang (2020), *Phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở Việt Nam giai đoạn 2020-2030*; Hùng Đạt (2020), *Phát triển công nghiệp chế biến nông sản đáp ứng yêu cầu hội nhập*; Hội đồng chỉ đạo xuất bản sách xã, phường, thị trấn (2020), *Làm giàu từ nông nghiệp trong thời đại 4.0*; PGS.TS. Đào Thế Anh và các cộng sự (2020), *Phát triển chuỗi giá trị nông sản thực phẩm an toàn bền vững ở Việt Nam*; TS. Nguyễn Đức Kiên, và các cộng sự (2021), *Chính sách công nghiệp thông minh hướng tới phát triển bền vững, Các nguyên tắc chung và kinh nghiệm của nước Đức*; Tổng cục thống kê, *Công nghiệp chế biến, chế tạo động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011-2020*; Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Trung tâm khuyến nông quốc gia (2021), *Liên kết phát triển sản xuất vùng nguyên liệu phục vụ chế biến xuất khẩu*.

1.3. GIÁ TRỊ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.3.1. Giá trị của các công trình khoa học đã tổng quan đối với đề tài luận án

Nội dung các nghiên cứu có thể chia thành những vấn đề lớn sau:

- Về lý luận: Các công trình nghiên cứu đã đề cập đến khái niệm, vai trò, nhân tố ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp chế biến nông sản.
- Về thực tiễn: Các công trình nghiên cứu đã đề cập đến thực trạng phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam.

Kết quả chủ yếu của các công trình nghiên cứu được trình bày ở trên đã cung cấp cho nghiên cứu sinh những căn cứ khoa học quan trọng để làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển công nghiệp chế biến nông sản, đồng thời xây dựng nên hệ thống quan điểm và giải pháp nhằm phát triển ngành. Tuy nhiên bên cạnh đó, cũng chưa có công trình nghiên cứu nào về phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở Thái Bình. Như vậy đề tài nghiên cứu của luận án là mới và không trùng lặp với các công trình đã công bố.

1.3.2. Khoảng trống mà luận án tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan, có thể thấy các công trình trên mặc dù đã đạt được giá trị khoa học nhất định, những vẫn còn những khoảng trống về mặt lý luận và thực tiễn, đòi hỏi luận án phải trả lời những câu hỏi sau:

Một là, dưới góc độ của kinh tế chính trị thì phát triển công nghiệp chế biến nông sản?, nội dung phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh bao gồm những vấn đề gì?. phát triển công nghiệp chế biến nông sản chịu sự tác động của những yếu tố nào?. phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh được quan niệm như thế nào?. Để phát triển công nghiệp chế biến nông sản theo đúng mục tiêu và lộ trình đề ra, tỉnh Thái Bình cần học tập những kinh nghiệm gì từ các địa phương trong nước?

Hai là, thực trạng phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình thời gian vừa qua ra sao? có những ưu điểm, hạn chế nào và nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế đó là gì? những vấn đề nào cần tập trung giải quyết trong thời gian tới, để tỉnh Thái Bình thực hiện phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn Tỉnh đạt được mục tiêu, lộ trình đề ra?.

Ba là, để phát triển công nghiệp chế biến nông sản đến năm 2030, Thái Bình cần thực hiện những định hướng và giải pháp nào?

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

2.1. KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN

2.1.1. Công nghiệp chế biến nông sản

Ngành công nghiệp chế biến nông sản là một nhánh của ngành công nghiệp chế biến thực hiện các hoạt động biến đổi các nguyên liệu nông sản thô bằng phương pháp công nghiệp là chủ yếu nhằm duy trì số lượng và nâng cao chất lượng của nông sản đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

2.1.2. Phân loại công nghiệp chế biến nông sản

Phân loại hệ thống công nghiệp thực chất là xác định những tiêu chí để phân chia công nghiệp thành những bộ phận khác nhau làm cơ sở để xác định những nội dung và phương thức quản lý phù hợp. Dưới đây là một số cách phân chia phổ biến thường gặp trong thực tế.

- *Xét theo tính có ích của sản phẩm*
- *Xét theo quá trình tác động vào đối tượng chế biến*

2.1.3. Đặc điểm công nghiệp chế biến nông sản

Cần phân biệt công nghiệp chế biến nông sản với công nghiệp khai thác

và công nghiệp sửa chữa máy móc thiết bị và sửa chữa vật phẩm tiêu dùng và các ngành kinh tế khác nhờ những đặc điểm riêng có của ngành này.

- *Nguyên liệu chủ yếu là nông sản mang tính thời vụ.*
- *Sản phẩm đa dạng đáp ứng nhu cầu của thị trường.*
- *Giảm thiểu tổn thất nông sản*
- *Có truyền thống lâu đời*
- *Phù hợp với tổ chức quy mô vừa và nhỏ.*

2.2. KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

2.2.1. Khái niệm phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn cấp tỉnh

Phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn cấp tỉnh là hoạt động có mục đích của các chủ thể biến đổi theo hướng làm gia tăng về quy mô, nâng cao chất lượng và hoàn thiện cơ cấu công nghiệp chế biến nông sản, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2.2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá phát triển công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn cấp tỉnh

Phát triển công nghiệp chế biến nông sản gồm: Phát triển toàn diện các ngành công nghiệp chế biến nông sản, trong đó tập trung mở rộng về quy mô, nâng cao chất lượng và hoàn thiện cơ cấu theo hướng khai thác tối đa các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Tỉnh và đáp ứng nhu cầu thị trường, thúc đẩy sản xuất và lưu thông trên địa bàn Tỉnh phát triển.

2.2.2.1. Nội dung, tiêu chí đánh giá về mở rộng quy mô của công nghiệp chế biến nông sản

Một là, số lượng các tổ chức kinh doanh công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn Tỉnh.

Hai là, số lượng vốn đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn Tỉnh.

Ba là, số lượng lao động hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn Tỉnh.

2.2.2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá về nâng cao chất lượng của công nghiệp chế biến nông sản

Một là, hiệu quả sử dụng vốn, giá trị gia tăng (VA), doanh thu, lợi nhuận của ngành công nghiệp chế biến nông sản

Hai là, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm các ngành

công nghiệp chế biến nông sản

Ba là, chất lượng khoa học và công nghệ được ứng dụng trong các ngành công nghiệp chế biến nông sản

Bốn là, chất lượng lao động các ngành công nghiệp chế biến nông sản.

2.2.2.3. Nội dung, tiêu chí đánh giá về hoàn thiện cơ cấu của kinh tế công nghiệp chế biến nông sản

Một là, cơ cấu giá trị của các ngành công nghiệp chế biến nông sản

Hai là, cơ cấu lao động của các ngành công nghiệp chế biến nông sản

Ba là, cơ cấu vốn đầu tư cho công nghiệp chế biến nông sản

Bốn là, cơ cấu thành phần kinh tế tham gia công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn Tỉnh.

Năm là, cơ cấu công nghiệp chế biến nông sản của các địa phương trên địa bàn Tỉnh.

2.2.2.4. Nội dung, tiêu chí đánh giá về vai trò của công nghiệp chế biến nông sản

Một là, sự đóng góp của khu vực công nghiệp chế biến nông sản cũng như của từng ngành công nghiệp chế biến nông sản vào GRDP của tỉnh trong mỗi thời điểm nhất định.

Hai là, sự đóng góp của toàn bộ khu vực công nghiệp chế biến nông sản trong việc làm tăng thu nhập, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương, thực hiện xóa đói, giảm nghèo thông qua biểu hiện của những kết quả cụ thể về sự gia tăng thu nhập, việc làm, thực hiện các mục tiêu về giảm đói nghèo ở các địa phương trong tỉnh và toàn Tỉnh.

2.3. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN

2.3.1. Nhóm nhân tố đầu vào

Nguồn nhân lực với chất lượng của lao động tức là kỹ năng, kiến thức và kỷ luật của đội ngũ lao động là yếu tố quan trọng nhất của tăng trưởng của công nghiệp chế biến nông sản.

Nguồn tài nguyên thiên nhiên là một trong những yếu tố sản xuất cổ điển, những tài nguyên quan trọng nhất là đất đai, rừng và nguồn nước cho công nghiệp chế biến nông sản.

Tư bản là một trong những nhân tố sản xuất, tùy theo mức độ tư bản mà người lao động được sử dụng những máy móc, thiết bị...nhiều hay ít (tỷ lệ tư bản trên mỗi lao động) và tạo ra sản lượng cao hay thấp của ngành công nghiệp chế biến nông sản.

Công nghệ đó là một quá trình biến đổi không ngừng về công nghệ sản

xuất cho phép với cùng lượng lao động và vốn, tạo ra sản lượng cao hơn, tức là nâng cao hiệu quả sản xuất cho ngành công nghiệp chế biến nông sản.

2.3.2. Nhóm các nhân tố đầu ra

- Thu nhập của người tiêu dùng

Thu nhập của người tiêu dùng tạo nên khả năng chi tiêu và quyết định trực tiếp sức mua của họ trên thị trường.

- Giá cả hàng hóa có liên quan

Cầu về hàng hóa không chỉ phụ thuộc vào giá cả bản thân hàng hóa đó mà còn phụ thuộc vào giá cả của các mặt hàng có liên quan. Sự thay đổi của các hàng hóa bổ sung cho nhau cũng làm tăng khả năng mua hàng của ngành công nghiệp chế biến nông sản.

- Tâm lý tiêu dùng

Tâm lý là một yếu tố dự báo mạnh mẽ của nền kinh tế, bởi vì khi mọi người có niềm tin vào nền kinh tế hoặc vào những gì họ tin rằng sẽ sớm xảy ra, họ sẽ chi tiêu và đầu tư một cách tự tin hơn.

- Tập quán tiêu dùng

Theo nhiều chuyên gia kinh tế, tập quán tiêu dùng của người dân có vai trò quyết định trong tiêu thụ hàng hóa.

- Thị hiếu của người tiêu dùng

Thị hiếu là sở thích hay sự ưu tiên đối với từng loại hàng hóa hay dịch vụ. Khi người tiêu dùng thích một loại hàng hóa nào đó thì bạn sẽ mua nó nhiều hơn. Ngược lại đối với những hàng hóa mà người tiêu dùng chưa quen dùng thì cầu hàng hóa sẽ thấp. Các nhà kinh tế giả định rằng thị hiếu không thay đổi hoặc thay đổi rất chậm và thị hiếu độc lập với các yếu tố khác của cầu.

- Các kỳ vọng của người tiêu dùng

Những thay đổi về giá cả sẽ làm thay đổi thu nhập thực tế và sức mua. Nếu kỳ vọng của người tiêu dùng về giá cả trong tương lai thay đổi, nó có thể thay đổi quyết định của người tiêu dùng trong giai đoạn hiện tại.

- Số lượng người tiêu dùng

Số lượng người tiêu dùng cho thấy quy mô của thị trường. Thị trường càng đông người thì cầu về hàng hoá càng lớn. Thị trường ít người thì cầu về hàng hoá càng nhỏ.

- Các chính sách của Chính phủ: Chính sách tài khóa; Chính sách tiền tệ; Chính sách ngoại thương (chính sách xuất nhập khẩu)

2.3.3. Nhóm nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức sản xuất của ngành công nghiệp chế biến nông sản

- Chiến lược và cơ cấu công nghiệp

Chiến lược phát triển công nghiệp chế biến nông sản vạch rõ tương lai và lộ trình đạt được mục tiêu đề ra.

- Công nghiệp hỗ trợ

Công nghiệp chế biến nông sản có đạt được trình độ cơ khí hóa, tự động hóa cũng như ứng dụng công nghệ hiện đại khác ở các khâu chế biến, bảo quản hay không phụ thuộc vào sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Tổ chức sản xuất

Tổ chức sản xuất công nghiệp chế biến nông sản thông qua chuyên môn hóa và đa dạng hóa kinh doanh, tập trung hóa và quy mô doanh nghiệp, tổ chức liên kết kinh tế, tổ chức sản xuất trên lãnh thổ.

2.3.4. Nhà nước

Muốn khắc phục nhược điểm trong nền kinh tế thị trường, cần có bộ phận điều hành vĩ mô bằng việc hoạch định chương trình, chiến lược và kế hoạch phát triển với mục tiêu về quy mô, về cơ cấu, về tăng trưởng của từng ngành, từng vùng, về các mục tiêu kinh tế vĩ mô khác cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân- không ai khác là Nhà nước.

2.4. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO TỈNH THÁI BÌNH

2.4.1. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới

2.4.1.1. Kinh nghiệm của Mỹ

Ngành công nghiệp chế biến của Mỹ phát triển mạnh mẽ và hiện diện trên toàn cầu đi kèm với sự tăng tốc phát triển mạnh mẽ ngay cả ở thị trường trong nước. Các công ty Mỹ hiện chiếm 40% trong số 50 công ty chế biến thực phẩm hàng đầu thế giới và Mỹ là nước xuất khẩu nông sản chế biến và đồ uống chế biến lớn nhất thế giới. Thị trường Mỹ có tỷ trọng nhập khẩu hàng nông sản chế biến sâu rất cao và duy trì trong thời gian dài.

2.4.1.2. Kinh nghiệm của Châu Âu

Theo Liên đoàn Công nghiệp Nông nghiệp, ngành công nghiệp chế biến nông sản và đồ uống ở châu Âu là ngành sản xuất hàng đầu cả về giá trị sản xuất.

2.4.1.3. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Mặc dù Nhật Bản chỉ có một công ty trong top 15 của thế giới, Nhật là một đối tác thương mại lớn của cả Mỹ và EU. Nông sản chế biến hiện chiếm 2/3 lượng tiêu thụ thực phẩm của Nhật Bản. Ngành công nghiệp chế

biến thực phẩm của Nhật Bản là một trong những ngành tiên tiến và phức tạp nhất thế giới. Các nhà sản xuất thực phẩm sản xuất nhiều loại sản phẩm, từ thực phẩm truyền thống của Nhật Bản đến thực phẩm tốt cho sức khỏe cho trẻ sơ sinh và người lớn tuổi.

2.4.1.4. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Hàn Quốc có nền kinh tế lớn thứ 10 thế giới với GDP là 1,6 nghìn tỷ USD và tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người là 31,755 USD vào năm 2020. Hàn Quốc có dân số 52 triệu người. Hơn 90 phần trăm người Hàn Quốc sống trong khu đô thị. Sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được 45% nhu cầu lương thực.

2.4.1.5. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trung Quốc là nước đông dân nhất thế giới và đứng thứ hai nền kinh tế lớn nhất. Thị trường tiêu dùng của Trung Quốc phức tạp với sự khác biệt lớn về khẩu vị và phong cách ăn uống giữa các tỉnh.

2.4.1.6. Kinh nghiệm của các nước phát triển khác

2.4.2. Bài học kinh nghiệm phát triển công nghiệp chế biến cho tỉnh Thái Bình

- Từ thực tiễn phát triển CNCBNS ngoài nước chuyên đề rút ra những gợi ý kinh nghiệm cho tỉnh Thái Bình trong phát triển CNCBNS như sau:

- + Thay đổi thị hiếu người tiêu dùng
- + Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ và đầu tư phát triển sản phẩm mới
- + Xu hướng áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn tự nguyện và bắt buộc ngày càng trở nên phổ biến.
- + Thương hiệu sản phẩm đóng vai trò ngày càng quan trọng trong ngành công nghiệp chế biến nông sản.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN Ở TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN 2013-2023

3.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN Ở TỈNH THÁI BÌNH

3.1.1. Các điều kiện tự nhiên

Tỉnh Thái Bình là một tỉnh đồng bằng ven biển, nằm ở phía Nam châu thổ sông Hồng, có ba mặt giáp sông và một mặt giáp biển; nằm trong vùng ảnh hưởng của tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng

Ninh. Thái Bình nằm ở toạ độ $20^{\circ}17'$ đến $20^{\circ}44'$ vĩ độ Bắc và $106^{\circ}06'$ đến $106^{\circ}39'$ kinh độ Đông. Có ranh giới: Phía Bắc giáp với tỉnh Hưng Yên, Hải Dương và Hải Phòng; phía Tây và Tây Nam giáp với tỉnh Nam Định và Hà Nam; phía Nam giáp với tỉnh Nam Định; phía Đông giáp với vịnh Bắc Bộ.

3.1.2. Các điều kiện kinh tế, xã hội

Kinh tế và cơ cấu kinh tế; Dân số, nguồn nhân lực, thu nhập, mức sống dân cư.

3.2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN TỈNH THÁI BÌNH

3.2.1. Về mở rộng quy mô công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình

** Số lượng các tổ chức kinh tế kinh doanh công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình*

Tỉnh ghi nhận sự phát triển vượt bậc của ngành công nghiệp chế biến nông sản trong những năm gần đây, thể hiện rõ nét qua sự gia tăng không ngừng về số lượng doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

** Quy mô vốn của doanh nghiệp*

Trong giai đoạn 2013-2023, ngành công nghiệp chế biến nông sản chủ yếu là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa, chiếm trung bình 96,9% tổng số doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp quy mô vốn lớn chỉ chiếm trung bình 3,1%.

** Số lượng lao động lao động trong các doanh nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình*

Tổng số lao động trong ngành công nghiệp của tỉnh năm 2023 đạt 175,657 người. Trong đó, lao động tập trung chủ yếu vào ngành chế biến, chế tạo, chiếm với 98,17%.

** Quy mô lao động trong các doanh nghiệp chế biến nông sản*

Bên cạnh đó, quy mô lao động của các doanh nghiệp phân theo ngành kinh tế trong công nghiệp chế biến nông sản có xu hướng tăng dần qua các năm.

3.2.2. Về nâng cao chất lượng của công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình

** Hiệu quả sử dụng vốn, giá trị gia tăng (VA), doanh thu, lợi nhuận của ngành công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình*

Trong giai đoạn 2013-2023, VA ngành công nghiệp chế biến nông sản

luôn cao hơn tốc độ tăng GRDP. Bình quân giai đoạn 2013-2023, ngành tăng 7,82%/ năm, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng GRDP 3,97%/năm.

** Năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của sản phẩm các ngành công nghiệp chế biến nông sản*

Năng suất lao động trong ngành có sự phát triển nhất định qua các năm. Tốc độ tăng tổng thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp chế biến nông sản giai đoạn 2014-2023 trung bình là 28,57%.

** Chất lượng khoa học và công nghệ được ứng dụng trong các ngành công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình*

Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp ở mức trung bình

** Chất lượng lao động các ngành công nghiệp chế biến nông sản*

Nguồn nhân lực trong ngành công nghiệp nói chung và công nghiệp chế biến nông sản ở Thái Bình nói riêng có sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3.2.3. Về hoàn thiện cơ cấu của công nghiệp chế biến nông sản ở Tỉnh Thái Bình

** Cơ cấu giá trị của các ngành công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình*

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Tỷ trọng sản phẩm ngành nông, lâm, thủy sản giảm dần, tỷ trọng sản phẩm ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng dần.

** Cơ cấu lao động của các ngành công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình*

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phục vụ tốt hơn các mục tiêu CNH, HĐH.

** Cơ cấu thành phần kinh tế tham gia công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn Tỉnh*

Kinh tế hộ, Kinh tế trang trại, Hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp, Các doanh nghiệp nông nghiệp, Các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản

3.2.4. Vai trò, đóng góp của phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình

** Thúc đẩy sản xuất nguyên liệu nông sản phát triển*

- Kết quả ngành trồng trọt

- Kết quả ngành chăn nuôi

- Kết quả ngành thủy sản

** Góp phần phát triển kinh tế khu vực nông thôn và xây dựng nông thôn mới*

Cùng với phát triển lực lượng sản xuất, các hình thức tổ chức sản xuất phát triển khá đa dạng phục vụ ngành công nghiệp chế biến nông sản tạo ra động lực mới cho sự phát triển nông nghiệp nông thôn.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN Ở TỈNH THÁI BÌNH

3.3.1. Những thành công

Ngành công nghiệp chế biến nông sản có số lượng các cơ sở tham gia không ngừng tăng lên tạo ra tổng sản phẩm, giá trị sản xuất và mang về kim ngạch xuất khẩu để đóng góp vào gia tăng GDP của địa phương và đóng góp một phần đáng kể cho ngân sách của tỉnh.

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

3.3.2.1. Hạn chế

Công nghiệp chế biến nông sản chậm phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

3.3.2.2. Nguyên nhân

** Nguyên nhân khách quan*

- *Nguyên nhân về quy mô chế biến nông sản:* quy mô sản xuất nông nghiệp phần lớn vẫn duy trì nhỏ lẻ, chưa có nhiều vùng nguyên liệu tập trung.

- *Nguyên nhân về chất lượng chế biến nông sản:* Chưa xây dựng được thương hiệu, năng lực cạnh tranh thấp, chưa kiểm soát được chất lượng nguyên liệu “đầu vào” của sản xuất.

- *Nguyên nhân về chuyển dịch cơ cấu chế biến nông sản:* Biến đổi khí hậu, biến động khó lường của thị trường quốc tế.

** Nguyên nhân chủ quan*

- *Nguyên nhân về quy mô chế biến nông sản:*

+ *Hệ thống cơ chế chính sách:* chậm đổi mới so với yêu cầu phát triển mới

+ *Tổ chức sản xuất nguyên liệu cho chế biến nông sản:* Việc quy hoạch vùng sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu.

+ *Doanh nghiệp:* Số lượng ít, thiếu quy mô lớn

+ *Công suất chế biến nông sản:* còn yếu, thiếu cơ sở và công suất chế biến, chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Nguyên nhân về chất lượng chế biến nông sản:
- + Việc kiểm soát chất lượng nguyên liệu
- + Còn thiếu quy hoạch đồng bộ
- + Công tác bảo quản sau thu hoạch
- + Nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu
- + Khoa học và công nghệ: quy mô nhỏ, ứng dụng chậm
- Nguyên nhân về chuyển dịch cơ cấu chế biến nông sản:

Chuyển dịch cơ cấu ngành và cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH còn chậm; xúc tiến thương mại chưa đáp ứng được yêu cầu; tốc độ tăng trưởng xuất tăng trưởng xuất khẩu chủ yếu là tăng trưởng theo chiều rộng, với tỷ trọng hàng hóa sử dụng lao động giản đơn chiếm ưu thế; tăng trưởng xuất khẩu theo chiều sâu còn hạn chế, chưa tạo ra được những mặt hàng chủ lực.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN Ở TỈNH THÁI BÌNH

4.1.1. Bối cảnh quốc tế

Hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng mâu thuẫn giữa toàn cầu hóa kinh tế và chủ nghĩa dân tộc kinh tế ngày càng gia tăng. Sự chuyển đổi kinh tế của Trung Quốc và chuyển dịch trong chế biến, chế tạo toàn cầu. Kiến tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến đang định hình lại bức tranh kinh tế - xã hội toàn cầu cùng các phương thức kinh doanh mới.

4.1.2. Bối cảnh trong nước

**** Tác động từ bối cảnh trong nước***

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng tương đối cao, đạt mức trung bình 6-7% mỗi năm. Điều này khẳng định vị thế của Việt Nam như một thị trường đầy tiềm năng và năng động trong khu vực Châu Á.

**** Tác động của vùng Đồng bằng sông Hồng, thủ đô Hà Nội***

Thái Bình nằm trong vùng Đồng bằng sông Hồng, với những lợi thế

về tiếp cận không gian biển, là khu vực tập trung đông dân cư, diện tích nông nghiệp cao đồng thời với ranh giới tiếp giáp với tam giác tăng trưởng Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản của tỉnh.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN Ở TỈNH THÁI BÌNH

4.2.1. Đến năm 2030

Kêu gọi các dự án sản xuất chế biến thủy, hải sản ứng dụng công nghệ sinh học; Tiếp tục phát huy lợi thế về tiềm năng, hiện đại hóa các công nghệ nuôi trồng vùng nguyên liệu, chế biến sản phẩm để phát triển các vùng sản xuất tập trung từ nguyên liệu tới chế biến, chế biến sâu các sản phẩm ngành thực phẩm, đồ uống; Chủ động đầu tư đổi mới trang thiết bị và công nghệ, trong đó ưu tiên đầu tư máy, thiết bị tiên tiến, tự động hoá dây chuyền sản xuất, đảm bảo trong giai đoạn tới hầu hết các cơ sở chế biến tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế, phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

4.2.2. Phương hướng đến năm 2045

Tận dụng nguồn nguyên liệu thủy hải sản, nông sản và vật nuôi tại chỗ và các tỉnh lân cận, tập trung chế biến sâu, tạo thương hiệu, nhắm tới thị trường cả nước và tiến tới xuất khẩu.

4.3. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.3.1. Hoàn thiện một số cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp chế biến nông sản

4.3.1.1. Chính sách phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp chế biến nông sản

- Phân bố không gian của ngành
- Phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp
- Xây dựng cơ chế, chính sách

4.3.1.2. Chính sách tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi

- Thực hiện các chính sách bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô một cách vững chắc.

- Điều hành chính sách tỉ giá linh hoạt, hướng đến thúc đẩy và hỗ trợ xuất khẩu nông sản đã chế biến. Có cơ chế đặc thù và đẩy mạnh tín dụng hỗ trợ.

- Thực hiện chính sách miễn, giảm thuế ở mức hợp lý và có thời hạn phù hợp đối với các ngành công nghiệp chế biến nông sản. Nâng cao khả

năng tiếp cận tài chính, tín dụng

- Tổ chức thị trường sản phẩm nông sản.
- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường.
- Xây dựng chính sách đột phá tạo lập môi trường khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp.

4.3.1.3. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Ngành công nghiệp chế biến nông sản hiện nay đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng được đào tạo bài bản, trình độ cao. Để đáp ứng nhu cầu này, chính sách của tỉnh Thái Bình cần tập trung vào:

- Xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực phù hợp với đặc thù của ngành công nghiệp chế biến nông sản tỉnh.
- Chính sách đồng bộ
- Bảo đảm phúc lợi xã hội cho người lao động
- Tăng cường xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân ngành công nghiệp chế biến nông sản

4.3.1.4. Chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản

- Nâng cao năng lực kết nối, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông, đặc biệt là mạng lưới di động thế hệ mới (4G, 5G), đảm bảo an toàn và đồng bộ, đáp ứng nhu cầu kết nối mạng internet cho con người và vạn vật.

- Ưu tiên nguồn lực, tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình quốc gia về đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình tái cơ cấu ngành công thương giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Thúc đẩy thị trường KH&CN phát triển toàn diện và mạnh mẽ.
- Đẩy mạnh khai thác tối ưu lợi thế “dân số vàng” và năng lực sản xuất hiện có, việc định hướng và kiểm soát công nghệ trong các ngành công nghiệp là ưu tiên hàng đầu.

- Thực hiện đổi mới toàn diện cơ chế quản lý tài chính đối với các hoạt động KH&CN, bao gồm cả tổ chức và phương thức sử dụng ngân sách nhà nước.

4.3.1.5. Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp chế biến nông sản

- Nâng cao hiệu quả tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp nhà nước hướng

đến mục tiêu phát triển bền vững, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII.

- Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp chế biến nông sản tư nhân của tỉnh thực sự trở thành một động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp địa phương trên cơ sở triển khai thực hiện quyết liệt Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII.

- Thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp tư nhân tại tỉnh đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao năng lực công nghiệp địa phương.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đổi mới chính sách và tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến nông sản.

4.3.1.6. Chính sách khai thác tài nguyên và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp chế biến nông sản

- Điều chỉnh chính sách, pháp luật về đất đai.

- Thực hiện lồng ghép các lồng ghép các nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường sinh thái trong toàn bộ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề tài, phát triển công nghiệp chế biến nông sản.

4.3.1.7. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp chế biến nông sản

- + Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ đảng và chính quyền

- + Tiến hành cơ cấu lại hệ thống quản lý một cách đồng bộ, từ trung ương đến địa phương.

- + Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp cùng các đối tượng chịu tác động của chính sách cần được khuyến khích tham gia tích cực vào quá trình hoạch định và giám sát việc thực thi chính sách.

4.3.2. Giải pháp nâng cao khả năng sản xuất ngành công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình

4.3.2.1. Giải pháp về vốn

- Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách, các đề án để huy động nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh, các thành phần kinh tế, doanh nghiệp,

các tổ chức, cá nhân vào đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản; khuyến khích đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực vốn đầu tư; tích cực tìm kiếm nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

- Cải cách thủ tục vay vốn, cơ chế cho vay, đa dạng hóa hoạt động tín dụng.

- Rà soát các danh mục đầu tư để tập trung nguồn vốn, đẩy nhanh tiến độ đầu tư, đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư.

- Cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý đầu tư để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

4.3.2.2. Giải pháp về kết cấu hạ tầng

- Xây dựng và nâng cấp hạ tầng giao thông.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng cho các khu kinh tế, khu công nghiệp, tạo môi trường thuận lợi thu hút các dự án đầu tư.

- Cải thiện cơ sở hạ tầng chợ truyền thống đồng thời thúc đẩy đầu tư phát triển hệ thống siêu thị, chợ hạng I, chợ đầu mối, trung tâm thương mại và hội chợ triển lãm hiện đại.

4.3.2.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ cho các doanh nghiệp

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và triển khai kế hoạch nghiên cứu, đổi mới công nghệ, đưa công nghệ cao, tự động hóa, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường vào sản xuất kinh doanh.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn quốc gia.

- Khuyến khích, ưu tiên các dự án của các doanh nghiệp sử dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại;

- Nghiên cứu, áp dụng công nghệ cao, hiện đại vào sản xuất.

4.3.2.4. Giải pháp tạo nguồn nguyên liệu ổn định, số lượng lớn, chất lượng cao, cho công nghiệp chế biến nông sản phù hợp với yêu cầu của thị trường

** Định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản*

- Triển khai hiệu quả các nghị quyết, đề án quan trọng của HĐND và UBND

- Cơ cấu lại sản phẩm chế biến theo hướng đa dạng, phân chia thành ba cấp độ gồm: sản phẩm chủ lực quốc gia; sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; sản phẩm là đặc sản

** Quy hoạch các vùng nguyên liệu chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn cho phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở Thái Bình.*

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp.
- Quy hoạch phát triển thủy sản
- Quy hoạch phát triển rừng.

** Thực hiện liên kết vùng liên huyện, liên tỉnh nhằm xây dựng các vùng nguyên liệu*

Theo định hướng quy hoạch tỉnh Thái Bình có nhiều cơ hội trở thành trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng, với các tuyến cao tốc Duyên hải Bắc bộ, tạo động lực và cơ sở hạ tầng khung phát triển khu Kinh tế Thái Bình.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế-xã hội.
- Thực hiện quyết liệt công tác cải cách thủ tục hành chính theo phương án 5 tại chỗ tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

** Bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.*

- Nghiên cứu, từng bước chuyển đổi các mô hình sản xuất thích ứng với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, áp dụng KH&CN
- Rà soát điều chỉnh quy hoạch phòng chống lũ, đê điều, thủy lợi

4.3.2.5. Giải pháp về nguồn nhân lực

- * Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về phát triển nguồn nhân lực*
- * Công tác quy hoạch nguồn nhân lực*
- * Xã hội hóa công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực*
- * Tạo môi trường thuận lợi để phát triển nguồn nhân lực*
- * Xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh, đáp ứng sự phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

4.3.3. Nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn thực phẩm

4.3.3.1. Tăng cường kiểm tra chất lượng, kiểm soát an toàn thực phẩm

4.3.3.2. Xây dựng và áp dụng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, truy xuất nguồn gốc cho các ngành hàng nông sản chế biến

4.3.4. Giải pháp về thị trường nhằm phát triển công nghiệp chế biến nông sản

4.3.4.1. Về thị trường nội địa

- Làm tốt công tác kiểm soát thị trường.

- Đẩy mạnh, hỗ trợ hoạt động liên kết nội khối của doanh nghiệp trong nước.

- Cần triển khai nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại tại các trung tâm trọng điểm như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

4.3.4.2. Về thị trường xuất khẩu

- * *Giải pháp phát triển nguồn cung ứng phục vụ xuất khẩu (giải pháp đẩy)*

- Về liên kết phát triển nguồn hàng xuất khẩu

- + Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, tạo ra các vùng sản xuất lớn, các chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn.

- + Tổ chức các chương trình giao thương, kết nối cung cầu hàng hóa, phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết dọc.

- Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng thương mại điện tử

- * *Giải pháp đẩy mạnh, kích thích nhu cầu tiêu thụ hàng hóa của tỉnh (giải pháp kéo)*

- Về mở rộng thị trường xuất khẩu

- + Đổi mới chính sách thu hút đầu tư

- + Chú trọng các hoạt động nghiên cứu, đánh giá tiềm năng thị trường và đối tác đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập quốc tế sâu rộng, đã và đang thực hiện các cam kết đối với các FTA thế hệ mới với các thị trường như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên Bang Nga,...

- Tăng cường xúc tiến, đầu tư thương mại

- * *Giải pháp phát triển từ phát triển các nguồn lực của tỉnh (các yếu tố nội tại)*

- Thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng

- Giải pháp phát triển các dịch vụ logistics phục vụ xuất khẩu

- Xây dựng hệ thống thông tin, truyền thông và nâng cao hiểu biết về ưu đãi thương mại từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA).

KẾT LUẬN

Ngành công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Thái Bình đã gặt hái được những thành quả đáng ghi nhận trong những năm qua, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh một cách vững chắc và hiệu quả.

Tuy nhiên, để khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế sẵn có, ngành công nghiệp chế biến nông sản cần nỗ lực khắc phục những hạn chế còn tồn tại. Việc triển khai các giải pháp thiết thực và hiệu quả trong thời gian tới sẽ đưa ngành này phát triển mạnh mẽ, bền vững, góp phần nâng cao vị thế kinh tế của địa phương.

Kết quả nghiên cứu luận án, được thực hiện dựa trên việc kết hợp đa dạng phương pháp, đã mang lại những đóng góp sau:

1. Luận án đã hệ thống hóa lý luận về phát triển công nghiệp chế biến nông sản. Qua việc vận dụng các lý thuyết kinh tế, luận án đã phân tích, xác định những nội dung chủ chốt trong phát triển ngành, đồng thời xây dựng các tiêu chí đánh giá sự phát triển của ngành ở địa phương.

2. Luận án đã nghiên cứu và rút ra bài học kinh nghiệm quý báu từ những quốc gia tiên phong trong phát triển công nghiệp chế biến nông sản, góp phần bổ sung kiến thức và định hướng cho tỉnh Thái Bình trong việc ứng dụng những mô hình hiệu quả vào thực tế.

3. Luận án đã tiến hành đánh giá thực trạng phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Thái Bình giai đoạn 2013-2023. Qua đó, luận án đã xác định những thành tựu đạt được, chỉ ra các hạn chế và nguyên nhân cản trở ngành.

4. Luận án đã phân tích và đánh giá các nội dung phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình thông qua việc phân tích số liệu thống kê. Các số liệu thu thập đã cho thấy những nhân tố tác động quan trọng đến sự phát triển của ngành.

5. Đề xuất giải pháp: Luận án đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Thái Bình trong bối cảnh công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đinh Thị Thu Phương (2024), “Giải pháp phát triển vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản ở tỉnh Thái Bình”, *Tạp chí Tài Chính*, kỳ 2 tháng 7, (829), tr.180-182.
2. Đinh Thị Thu Phương (2024), “Giải pháp đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông sản ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài Chính*, kỳ 1, tháng 9, (832), tr. 67-69.
3. Đinh Thị Thu Phương (2024), “Cơ hội và thách thức trong phát triển công nghiệp chế biến nông sản ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài Chính*, kỳ 2, tháng 9, (833), tr. 59-61.